

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT NỀN MÓNG
VÀ CÔNG TRÌNH NGẦM FECON**

Kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2014

Được soát xét bởi:

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ THĂNG LONG - T.D.K



MỤC LỤC

STT	NỘI DUNG	Trang
1	Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	1 – 3
2	Báo cáo kết quả công tác soát xét	4
3	Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được soát xét	
	<i>Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ</i>	5 – 7
	<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ</i>	8 – 9
	<i>Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ</i>	10 – 11
	<i>Bàn thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ</i>	12 - 37

Công ty Cổ phần Kỹ thuật nền móng và Công trình ngầm FECON

Tầng 15 Tháp CEO, lô HH2-1, KĐT Mễ Trì Hạ, Phạm Hùng, Mễ Trì, Nam Từ Liêm, Hà Nội

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Kỹ thuật nền móng và Công trình ngầm FECON trình bày báo cáo của mình và báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty kết thúc ngày 30/06/2014.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Kỹ thuật nền móng và Công trình ngầm FECON (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0103004661 lần đầu ngày 18/06/2004, thay đổi lần thứ 17 ngày 27/06/2014 của Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội, mã số doanh nghiệp 0101502599.

Lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Công ty là: Sản xuất, Thương mại, Dịch vụ và Xây lắp

Trụ sở chính của Công ty: Tầng 15 Tháp CEO, lô HH2-1, KĐT Mễ Trì Hạ, Phạm Hùng, Mễ Trì, Nam Từ Liêm, Hà Nội

Vốn điều lệ của Công ty: 457.228.540.000 VND (Bốn trăm năm mươi bảy tỷ, hai trăm hai mươi tám triệu, năm trăm bốn mươi nghìn đồng).

Các đơn vị thành viên của Công ty như sau:

Công ty con

Viện nền móng và Công trình ngầm

Công ty Cổ phần Xử lý nền FECON
SHANGHAI HARBOUR

Công ty Cổ phần FECON MILTEC

Trường THPT Ý Yên

Công ty liên kết

Công ty Cổ phần Khoáng sản FECON

Công ty Cổ phần FECON NGHI SƠN

Địa chỉ

Tầng 16, tòa nhà CEO, lô HH2-1 KĐT Mễ Trì Hạ, đường Phạm Hùng, phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Tầng 19, tòa nhà CEO, lô HH2-1 KĐT Mễ Trì Hạ, đường Phạm Hùng, phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Lô NX-D2, khu công nghiệp Long hậu, xã Long Hậu, huyện cần Giuộc, tỉnh Long An

Xã Yên Xá, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định

Cụm công nghiệp Thi Sơn, xã Thi Sơn, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam

Số 274 Tổng Duy Tân, phường Ba Đình, thành phố Thanh Hoá, tỉnh Thanh Hoá

Các sự kiện phát sinh trong kỳ kế toán và sau ngày khoá sổ kế toán lập báo cáo tài chính hợp nhất:

- Trong kỳ, Công ty đã thực hiện tăng vốn điều lệ thêm 59.637.360.000 VND từ 397.591.180.000 VND lên 457.228.540.000 VND và đã hoàn thành thủ tục thay đổi đăng ký kinh doanh ngày 27/06/2014, trong đó:
 - + *Tăng vốn từ cổ tức năm 2013: 39.757.810.000 VND – Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014 số 06/2014/NQ-ĐHĐCĐ.FECON ngày 15/03/2014.*
 - + *Tăng vốn bằng phát hành cổ phiếu: 19.879.550.000 VND*
- Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014 số 06/2014/NQ-ĐHĐCĐ.FECON ngày 15/03/2014, Công ty đã phát hành trái phiếu chuyển đổi, số tiền 195.585.000.000 VND (Đơn vị mua: Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Nhật Bản) để huy động vốn, nâng cao năng lực thiết bị thực hiện dự án và đầu tư chuyên sâu vào lĩnh vực và ngành nghề hoạt động của Công ty.
- Ngày 30/06/2014, Hội đồng quản trị đã chấp nhận đơn từ nhiệm chức vụ Ủy viên Hội đồng quản trị của Bà Nguyễn Thị Thanh Vân, Công ty cũng bổ nhiệm Ông Takano Satoshi làm Ủy viên Hội đồng quản trị tạm thời từ ngày 01/07/2014 theo Nghị quyết số 30/2014/NQ-HĐQT.FECON ngày 30/06/2014.

Công ty Cổ phần Kỹ thuật nền móng và Công trình ngầm FECON

Tầng 15 Tháp CEO, lô HH2-1, KĐT Mễ Trì Hạ, Phạm Hùng, Mễ Trì, Nam Từ Liêm, Hà Nội

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

- Trong kỳ, Công ty THHH Xử lý nền đất yếu FECON Shanghai Harbour (Công ty con) chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Xử lý nền FECON Shanghai Harbour và được Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đầu tư số 011032002204 ngày 17/01/2014.

Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất:

Hội đồng quản trị

1. Ông Phạm Việt Khoa	Chủ tịch
2. Ông Hà Thế Phương	Phó Chủ tịch
3. Ông Trần Trọng Thắng	Ủy viên
4. Ông Hà Thế Lộng	Ủy viên
5. Ông Phạm Quốc Hùng	Ủy viên
6. Ông Nguyễn Quang Hải	Ủy viên
7. Ông Hà Cửu Long	Ủy viên
8. Ông Phạm Duy Cường	Ủy viên
9. Ông Takano Satoshi	Ủy viên

Ban Tổng Giám đốc:

1. Ông Phạm Việt Khoa	Tổng Giám đốc
2. Ông Trần Trọng Thắng	Phó Tổng Giám đốc
3. Ông Phạm Quốc Hùng	Phó Tổng Giám đốc
4. Ông Đỗ Trần Nam	Phó Tổng Giám đốc
5. Ông Nguyễn Hồng Luyến	Phó Tổng Giám đốc

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Thăng Long – T.D.K (trước đây là Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Thăng Long – T.D.K) là Công ty kiểm toán có đủ năng lực được lựa chọn. Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Thăng Long – T.D.K bày tỏ nguyện vọng được tiếp tục kiểm toán báo cáo tài chính cho Công ty trong những kỳ tiếp theo.

Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với báo cáo tài chính hợp nhất:

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định những vấn đề sau đây:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục. Công ty tiếp tục hoạt động và thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của mình trong năm tài chính tiếp theo;
- Các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác;
- Kể từ ngày kết thúc kỳ hoạt động đến ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, chúng tôi khẳng định rằng không phát sinh bất kỳ một sự kiện nào có thể ảnh hưởng đáng kể đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và ảnh hưởng tới hoạt động của Công ty cho kỳ hoạt động tiếp theo.

Công ty Cổ phần Kỹ thuật nền móng và Công trình ngầm FECON

Tầng 15 Tháp CEO, lô HH2-1, KĐT Mễ Trì Hạ, Phạm Hùng, Mễ Trì, Nam Từ Liêm, Hà Nội

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Hà Nội, ngày 13 tháng 08 năm 2014

TM. Ban Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc



PHẠM VIỆT KHOA



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ THĂNG LONG - T.D.K

THANGLONG - T.D.K AUDITING AND VALUATION COMPANY

Trụ sở chính tại Hà Nội

: Sân KT - TM và DV khu nhà ở CBCS CSTT - CAHN,
phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, Hà Nội

- Tel: (04) 44 500 668

- Fax: (04) 44 500 669

Chi nhánh Miền nam

: C14, Quang Trung, phường 11

- Tel: (08)3 589 7462

- Fax: (08)3 589 7464

Chi nhánh Quận 1 - TP. HCM

: Số 28 Đặng Tất, quận 1, TP. HCM

- Tel: (08)3 848 0763

- Fax: (08)3 526 7187

Chi nhánh Đà Nẵng

: Số 42 Trần Tông, TP. Đà Nẵng

- Tel: (0511)3 651 818

- Fax: (0511)3 651 868

Chi nhánh Lạng Sơn

: Tổ 2, khối 14, đường Bà Triệu

- Tel: (025)3 718 545

- Fax: (025)3 716 264

Số: 1292/2014 /BCKT - TC

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT

Về Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kết thúc ngày 30/06/2014 của
Công ty Cổ phần Kỹ thuật nền móng và Công trình ngầm FECON

Kính gửi: Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Công ty Cổ phần Kỹ thuật nền móng và Công trình ngầm FECON

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty Cổ phần Kỹ thuật nền móng và Công trình ngầm FECON được lập ngày 13/08/2014 gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kết thúc ngày 30/06/2014 được trình bày từ trang 05 đến trang 37 kèm theo.

Việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đơn vị. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo nhận xét về báo cáo tài chính hợp nhất hợp nhất giữa niên độ này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

Hà Nội, ngày 14 tháng 08 năm 2014

Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Thăng Long – T.D.K

Tổng Giám đốc

Kiểm toán viên



TU QUYNH HẠNH

PHAN VĂN THUẬN

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số: 0313-2013-045-1

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số: 2024-2013-045-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2014

Đơn vị tính: VND

	Tài sản	Mã số	Thuyết minh	Số cuối quý	Số đầu năm
	1	2	3	4	5
A	Tài sản ngắn hạn	100		1.297.399.306.081	1.167.991.808.933
I	Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.01	346.190.001.115	360.151.040.948
1	Tiền	111		285.490.001.115	272.451.040.948
2	Các khoản tương đương tiền	112		60.700.000.000	87.700.000.000
II	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.02	-	5.123.896.000
1	Đầu tư ngắn hạn	121		-	5.123.896.000
III	Các khoản phải thu ngắn hạn	130		744.246.439.681	660.795.534.803
1	Phải thu khách hàng	131		310.606.786.834	305.606.196.434
2	Trả trước cho người bán	132		31.859.204.582	11.491.074.573
4	Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		408.429.574.154	349.467.201.641
5	Các khoản phải thu khác	138	V.03	684.390.531	1.159.911.093
6	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(7.333.516.420)	(6.928.848.938)
IV	Hàng tồn kho	140		123.659.605.006	113.466.360.543
1	Hàng tồn kho	141	V.04	123.659.605.006	113.466.360.543
V	Tài sản ngắn hạn khác	150		83.303.260.279	28.454.976.639
1	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.05	1.860.441.219	1.292.226.225
2	Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.215.828.100	866.023.921
3	Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154		8.870.674	551.745.556
4	Tài sản ngắn hạn khác	158	V.06	80.218.120.286	25.744.980.937
B	Tài sản dài hạn	200		545.114.847.471	426.245.183.069
I	Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II	Tài sản cố định	220		307.427.185.911	265.859.724.125
1	Tài sản cố định hữu hình	221	V.07	133.414.543.412	131.704.868.844
	- Nguyên giá	222		234.715.997.035	224.235.396.078
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(101.301.453.623)	(92.530.527.234)
2	Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.08	110.302.999.803	71.930.672.248
	- Nguyên giá	225		135.208.279.270	91.176.280.777
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		(24.905.279.467)	(19.245.608.529)
3	TSCĐ vô hình	227	V.09	23.508.265.420	23.831.160.832
	- Nguyên giá	228		26.269.091.609	26.269.091.609
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(2.760.826.189)	(2.437.930.777)
4	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.10	40.201.377.276	38.393.022.201
III	Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	V.11	224.809.713.562	148.834.098.551
2	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		140.228.073.562	140.502.458.551
3	Đầu tư dài hạn khác	258		84.581.640.000	8.331.640.000

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2014

Đơn vị tính: VND

Tài sản	Mã số	Thuyết minh	Số cuối quý	Số đầu năm
1	2	3	4	5
Tài sản dài hạn khác	260		12.877.947.998	11.551.360.393
Chi phí trả trước dài hạn	261	V.12	8.770.855.164	8.729.023.509
Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		1.764.817.946	430.061.996
Tài sản dài hạn khác	268	V.13	2.342.274.888	2.392.274.888
Lợi thế thương mại	269		-	-
Tổng cộng tài sản	270		1.842.514.153.552	1.594.236.992.002
Nguồn vốn	Mã số	Thuyết minh	Số cuối quý	Số đầu năm
Nợ phải trả	300		1.124.922.336.653	895.668.987.527
Nợ ngắn hạn	310		800.780.361.113	848.944.461.969
Vay và nợ ngắn hạn	311	V.14	229.029.741.744	181.460.902.255
Phải trả người bán	312		299.476.000.984	352.455.051.224
Người mua trả tiền trước	313		39.051.447.561	59.217.873.277
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.15	31.276.446.817	51.311.149.453
Phải trả người lao động	315		5.408.544.319	9.575.577.100
Chi phí phải trả	316	V.16	177.804.690.649	171.986.020.643
Các khoản phải trả phải nộp ngắn hạn khác	319	V.17	1.190.968.046	675.693.585
Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	1.146.703.019
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		17.542.520.993	21.115.491.413
Nợ dài hạn	330		324.141.975.540	46.724.525.558
Vay và nợ dài hạn	334	V.18	318.010.428.817	40.592.978.835
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		6.131.546.723	6.131.546.723
Nguồn vốn chủ sở hữu	400		656.607.020.890	616.518.108.144
Vốn chủ sở hữu	410	V.19	656.607.020.890	616.518.108.144
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		457.228.540.000	397.591.180.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		34.538.983.821	34.538.983.821
Quỹ đầu tư phát triển	417		39.176.162.869	35.157.778.716
Quỹ dự phòng tài chính	418		13.488.079.435	11.478.889.358
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		112.175.254.765	137.751.276.249
Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
Lợi ích của cổ đông thiểu số	439		60.984.796.009	82.049.896.331
Tổng cộng nguồn vốn	440		1.842.514.153.552	1.594.236.992.002

Công ty Cổ phần Kỹ thuật nền móng và Công trình ngầm FECON

Tầng 15 Tháp CEO, lô HH2-1, KĐT Mễ Trì Hạ, Phạm Hùng, Mễ Trì, Nam Từ Liêm, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kết thúc ngày 30/06/2014

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

TT	Chỉ tiêu			Số cuối quý	Số đầu năm
5	5.1 Ngoại tệ các loại (USD)	007		31.759,88	106.513,41

Lập, ngày 13 tháng 08 năm 2014

Người lập biểu



ĐỖ XUÂN HOÀ

Kế toán trưởng 



PHẠM DUY CƯỜNG

Tổng Giám đốc



PHẠM VIỆT KHOA

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 2 năm 2014

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Quý 2		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5	6	7
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.21	230.822.037.789	339.837.547.243	469.833.389.213	603.508.177.043
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		230.822.037.789	339.837.547.243	469.833.389.213	603.508.177.043
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.21	179.050.930.059	277.661.132.916	371.201.761.077	502.002.791.125
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		51.771.107.730	62.176.414.327	98.631.628.136	101.505.385.918
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.22	6.472.491.003	368.676.436	8.214.569.634	10.672.921.863
7. Chi phí tài chính	22	VI.23	7.406.473.885	5.560.235.577	11.564.513.587	12.111.311.287
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		5.867.962.262	3.491.667.599	9.766.359.946	9.828.619.797
8. Chi phí bán hàng	24		4.087.312.394	3.915.529.645	6.622.050.646	5.252.094.825
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		16.321.979.941	8.985.072.170	30.152.824.632	23.299.310.136
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		30.427.832.513	44.084.253.371	58.506.808.905	71.515.591.533
11. Thu nhập khác	31	VI.24	55.487.728.669	56.799.708	55.533.171.666	9.986.938.903
12. Chi phí khác	32	VI.25	56.027.367.638	35.833.245	56.293.541.136	9.951.389.295
13. Lợi nhuận khác	40		(539.638.969)	20.966.463	(760.369.470)	35.549.608
14. Phần lãi hoặc lỗ trong Công ty liên kết, liên doanh	45	VI.26	5.560.339.011	3.679.881.259	5.560.339.011	7.909.862.244
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		35.448.532.555	47.785.101.093	63.306.778.446	79.461.003.385
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.27	4.270.390.684	9.802.468.159	11.307.425.270	15.855.447.677
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		151.388.590	1.407.609.576	151.388.590	126.276.647
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		31.026.753.281	36.575.023.358	51.847.964.586	63.479.279.061
Lợi ích của cổ đông thiểu số	61		2.805.091.936	231.833.182	2.883.197.937	(74.151.885)
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông Công ty mẹ	62		28.221.661.345	36.343.190.176	48.964.766.649	63.553.430.946
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.28	679	2.194	1.227	4.181

Công ty Cổ phần Kỹ thuật nền móng và Công trình ngầm FECON

Tầng 15 Tháp CEO, lô HH2-1, KĐT Mễ Trì Hạ, Phạm Hùng, Mễ Trì, Nam Từ Liêm, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kết thúc ngày 30/06/2014

Lập, ngày 13 tháng 08 năm 2014

Người lập biểu



ĐỖ XUÂN HOÀ

Kế toán trưởng 



PHẠM DUY CƯỜNG

Tổng Giám đốc



PHẠM VIỆT KHOA

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Quý 2 năm 2014

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động SX-KD				
1. Lợi nhuận trước thuế	1		63.306.778.447	79.461.003.385
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ	2		21.457.298.159	23.251.801.210
- Các khoản dự phòng	3		404.667.482	146.158.440
- Lãi lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	4		1.694.233.331	1.297.951.088
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	5		(7.794.838.017)	(10.479.954.609)
- Chi phí lãi vay	6		9.766.359.946	9.828.619.797
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	8		88.834.499.348	103.505.579.311
- Tăng, giảm các khoản phải thu	9		(175.304.343.056)	(61.528.056.742)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(10.193.244.463)	23.314.134.857
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11		(36.503.996.063)	212.118.750.247
- Tăng giảm chi phí trả trước	12		(610.046.649)	(3.175.795.496)
- Tiền lãi vay đã trả	13		(9.766.359.946)	(9.828.619.797)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(30.404.826.880)	(4.724.347.675)
- Tiền thu khác từ hoạt động sản xuất kinh doanh	15		-	1.070.356.000
- Tiền chi khác từ hoạt động sản xuất kinh doanh	16		(19.903.168.846)	(2.443.401.248)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh	20		(193.851.486.555)	258.308.599.457
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(67.368.474.132)	(32.425.999.135)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		54.348.785.778	9.801.272.727
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		5.123.896.000	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(76.250.000.000)	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	2.165.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		8.207.077.171	10.547.234.579
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(75.938.715.183)	(9.912.491.829)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		19.879.550.000	1.620.000
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		474.464.278.012	205.860.827.724
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(191.617.062.940)	(404.796.060.278)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Quý 2 năm 2014

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		(7.187.659.929)	(11.740.692.157)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(39.738.330.100)	(15.501.695.400)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40		<i>255.800.775.043</i>	<i>(226.176.000.111)</i>
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50		(13.989.426.695)	22.220.107.517
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		360.151.040.948	96.220.816.919
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		28.386.862	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70		346.190.001.115	118.440.924.436

Lập, ngày 13 tháng 08 năm 2014

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



ĐỖ XUÂN HOÀ



PHẠM DUY CƯỜNG



PHẠM VIỆT KHOA

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
Quý 2 năm 2014

I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Kỹ thuật nền móng và Công trình ngầm FECON (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0103004661 lần đầu ngày 18/06/2004, thay đổi lần thứ 17 ngày 27/06/2014 của Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội, mã số doanh nghiệp 0101502599.

Vốn điều lệ của Công ty: 457.228.540.000 VND (Bốn trăm năm mươi bảy tỷ, hai trăm hai mươi tám triệu, năm trăm bốn mươi nghìn đồng).

2. Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất, thương mại, dịch vụ và xây lắp

3. Ngành nghề kinh doanh:

- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác. Chi tiết: Xây dựng nền móng của tòa nhà gồm đóng cọc;
- Xây dựng trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: Xây dựng đường hầm;
- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết:
 - + *Ứng dụng và chuyển giao công nghệ xây dựng nền móng và công trình ngầm mới vào thực tế xây dựng tại Việt Nam;*
 - + *Thực hiện các thí nghiệm địa kỹ thuật phục vụ khảo sát thiết kế, quản lý chất lượng và quan trắc trong thi công nền móng và công trình ngầm (Không bao gồm dịch vụ thiết kế công trình);*
 - + *Thí nghiệm kiểm tra tính nguyên dạng và tính đồng nhất của cọc móng và các cấu kiện bê tông cốt thép bằng phương pháp siêu âm (SONIC) và phương pháp va đập biến dạng nhỏ (PIT);*
 - + *Thí nghiệm khả năng chịu tải nền móng công trình bằng phương pháp nén tải trọng tĩnh và thí nghiệm tải trọng động biến dạng lớn (PDA);*
- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật
- Xây dựng nhà các loại
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ
- Hoàn thiện công trình xây dựng
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét
- Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét
- Khai thác quặng sắt
- Khai thác quặng kim loại khác không chứa. Chi tiết: Khai thác quặng nhôm, đồng, chì, kẽm, thiếc, mangan, crôm, niken, coban, molypden, tantali, vanadi.
- Khai thác quặng kim loại quý hiếm. Chi tiết: Vàng, bạc, bạch kim (không bao gồm kinh doanh vàng miếng);
- Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Khai thác mỏ và khai thác khoáng chất và nguyên liệu khác chưa được phân vào đâu;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng khác;
- Sản xuất thủy tinh và sản phẩm từ thủy tinh
- Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật
- Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại
- Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao

- Sản xuất sản phẩm chịu lửa. Chi tiết:
 - + Sản xuất hồ, bê tông chịu lửa;
 - + Sản xuất sản phẩm gốm sứ chịu lửa;
- Sản xuất sắt, thép, gang
- Sản xuất các cấu kiện kim loại
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Chi tiết:
 - + Bán buôn vật liệu xây dựng như: gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi;
 - + Bán buôn vật liệu xây dựng khác;
 - + Bán buôn kính phẳng;
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết:
 - + Bán buôn người máy thuộc dây chuyền sản xuất tự động;
 - + Bán buôn vật liệu điện khác như động cơ điện, máy biến thế;
 - + Bán buôn các loại máy công cụ, dụng cụ cho mọi loại vật liệu;
 - + Bán buôn máy móc, thiết bị khác chưa được phân vào đâu để sử dụng cho sản xuất công nghiệp, thương mại, hàng hải và dịch vụ;
 - + Bán buôn máy công cụ điều khiển bằng máy vi tính;
 - + Bán buôn thiết bị và dụng cụ đo lường;
 - + Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng;
 - + Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện);
- Cho thuê xe có động cơ
- Vận tải hành khách đường thủy nội địa
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa
- Vận tải hành khách đường bộ khác. Chi tiết:
 - + Vận tải hành khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh;
 - + Cho thuê xe chở khách có người lái để vận tải hành khách, hợp đồng chở khách đi tham quan, du lịch hoặc mục đích khác;
 - + Hoạt động của các cáp treo, đường sắt leo núi;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ
- Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất. Chi tiết: Tư vấn, môi giới bất động sản;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày. Chi tiết:
 - + Khách sạn;
 - + Biệt thự hoặc căn hộ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
 - + Nhà khách, nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Kinh doanh bất động sản;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. Chi tiết: Thiết kế kết cấu công trình dân dụng, công nghiệp.

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán:

- Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.
- Kỳ này bắt đầu từ ngày 01/01/2014 và kết thúc vào ngày 30/06/2014.
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

III. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng:

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/ 2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài chính, các thông tư về việc hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quyết định ban hành chuẩn mực kế toán Việt Nam, các thông tư hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành có hiệu lực đến thời điểm kết thúc niên độ kế toán lập báo cáo tài chính năm.

Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức sổ kế toán: Trên máy vi tính.

IV. Các chính sách kế toán áp dụng

1. Cơ sở hợp nhất

Công ty con:

Công ty con là đơn vị do Công ty mẹ kiểm soát. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của một đơn vị để thu lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Các Báo cáo tài chính của Công ty con được hợp nhất trong các Báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày bắt đầu kiểm soát đến ngày kết thúc kiểm soát.

Công ty liên kết:

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia và việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính sử dụng phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản vốn góp liên kết được trình bày trong bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản vốn góp của Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà thực chất tạo thành đầu tư thuần của Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Các giao dịch bị loại trừ khi hợp nhất:

Các số dư nội bộ về công nợ phải thu, phải trả nội bộ; toàn bộ thu nhập, chi phí và các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại ra khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty Cổ phần Kỹ thuật nền móng và Công trình ngầm FECON

Tầng 15 Tháp CEO, lô HH2-1, KĐT Mễ Trì Hạ, Phạm Hùng, Mễ Trì, Nam Từ Liêm, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kết thúc ngày 30/06/2014

Thông tin chi tiết về các đơn vị thành viên của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2014 như sau:

Công ty con :

STT	Tên công ty	Nơi thành lập	Tỷ lệ phần sở hữu (%)	Tỷ lệ phần biểu quyết nắm giữ (%)	Ngành nghề chính
1	Viện nền móng và Công trình ngầm	Hà Nội	100,00	100,00	Xây dựng, nghiên cứu
4	Công ty Cổ phần Fecon Miltec	Long An	50,29	50,29	Sản xuất
3	Công ty CP Xử lý nền Fecon Shanghai Harbour	Hà Nội	51,18	51,18	Xây lắp
6	Trường THPT Ý Yên	Nam Định	38,12	67,74	Giáo dục

Công ty liên kết :

STT	Tên công ty	Nơi thành lập	Tỷ lệ phần sở hữu (%)	Tỷ lệ phần biểu quyết nắm giữ (%)	Ngành nghề chính
1	Công ty CP Khoáng sản FECON	Hà Nội	36,38	36,38	Sản xuất, thương mại
2	Công ty CP FECON NGHI SON	Thanh Hoá	30,00	30,00	Sản xuất, thương mại

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền:**2.1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền**

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế của ngân hàng giao dịch tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Toàn bộ chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ của hoạt động sản xuất kinh doanh, kể cả hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản được hạch toán ngay vào chi phí tài chính hoặc doanh thu hoạt động tài chính trong kỳ.

Tại thời điểm cuối kỳ kế toán các khoản mục tiền có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá mua của ngân hàng giao dịch. Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối năm được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong kỳ.

2.2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tương đương tiền:

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

3. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:

3.1. Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho: Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho mua ngoài bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Sản phẩm dở dang cuối kỳ được đánh giá theo phương pháp chi phí nguyên liệu vật liệu trực tiếp.

3.2. Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho: Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp đích danh.

3.3. Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

3.4. Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng. Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho là lập theo số chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay với số dự phòng đã lập năm trước chưa sử dụng hết đến năm nay phải lập thêm hay hoàn nhập.

Tại thời điểm 30/06/2014 không có khoản hàng tồn kho nào cần trích dự phòng giảm giá.

4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác:

4.1. Nguyên tắc ghi nhận: Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ, phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng, và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm được phân loại là Tài sản ngắn hạn.

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm được phân loại là Tài sản dài hạn.

4.2. Lập dự phòng phải thu khó đòi: Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất của các khoản nợ phải thu có khả năng không được khách hàng thanh toán đối với các khoản phải thu tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra cụ thể như sau:

Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán thực hiện theo đúng hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính cụ thể như sau:

+ 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.

+ 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.

+ 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.

+ 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu từ 3 năm trở lên.

Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: Căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

5. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định:

5.1. Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình

Tài sản cố định được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

5.2. Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình: Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính và được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 20 năm
- Máy móc, thiết bị	04 - 08 năm
- Phương tiện vận tải	06 - 10 năm
- Thiết bị văn phòng	03 - 05 năm
- Các tài sản khác	04 - 07 năm
- Quyền sử dụng đất	25 - 48 năm
- Phần mềm quản lý	03 - 05 năm

6. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định thuê tài chính

6.1. Nguyên tắc ghi nhận nguyên giá TSCĐ thuê tài chính: Tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận nguyên giá theo giá trị hợp lý hoặc giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (không bao gồm thuế GTGT) và các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến TSCĐ thuê tài chính. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

6.2. Nguyên tắc và phương pháp khấu hao TSCĐ thuê tài chính: TSCĐ thuê tài chính được trích khấu hao như TSCĐ của công ty

Đối với TSCĐ thuê tài chính không chắc chắn sẽ được mua lại thì sẽ được tính trích khấu hao theo thời hạn thuê khi thời hạn thuê ngắn hơn thời gian sử dụng hữu ích của nó.

7. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

7.1. Nguyên tắc ghi nhận

Khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con, công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Khoản đầu tư vào công ty liên doanh được kế toán theo phương pháp giá gốc. Khoản vốn góp liên doanh không điều chỉnh thay đổi của phần sở hữu của công ty trong tài sản thuần của công ty liên doanh. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của công ty phản ánh khoản thu nhập được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của công ty liên doanh phát sinh sau khi góp vốn liên doanh.

Hoạt động liên doanh theo hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát và tài sản đồng kiểm soát được công ty áp dụng nguyên tắc kế toán chung như với các hoạt động kinh doanh thông thường khác. Trong đó:

- Công ty theo dõi riêng các khoản thu nhập, chi phí liên quan đến hoạt động liên doanh và thực hiện phân bổ cho các bên liên doanh theo hợp đồng liên doanh.

- Công ty theo dõi riêng tài sản góp vốn liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và các khoản công nợ chung, công nợ riêng phát sinh từ hoạt động liên doanh

Các khoản đầu tư chứng khoán tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền";

- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm được phân loại là tài sản ngắn hạn;

- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm được phân loại là tài sản dài hạn.

7.2. Lập dự phòng các khoản đầu tư tài chính

- Dự phòng các khoản đầu tư tài chính dài hạn:

Dự phòng đầu tư cho mỗi khoản đầu tư tài chính bằng số vốn đã đầu tư và tính theo công thức sau:

$$\begin{array}{l} \text{Mức dự} \\ \text{phòng tổn} \\ \text{thất các} \\ \text{khoản đầu} \\ \text{tư tài chính} \end{array} = \left[\begin{array}{l} \text{Vốn góp thực tế} \\ \text{của các bên tại} \\ \text{tổ chức kinh tế} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Vốn chủ} \\ \text{sở hữu thực} \\ \text{có} \end{array} \right] \times \frac{\text{Vốn đầu tư của doanh nghiệp}}{\text{Tổng vốn góp thực tế của các} \\ \text{bên tại tổ chức kinh tế}}$$

8. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

9. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí khác:

Chi phí trả trước:

Chi phí trả trước ngắn hạn : Là các loại chi phí trả trước nếu chỉ liên quan đến năm tài chính hiện tại thì được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Chi phí trả trước dài hạn : Là các loại chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán bao gồm :

- Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn;
- Chi phí quảng cáo, bảo hiểm;
- Chi phí sửa chữa văn phòng;
- Chi phí sử dụng phần mềm.

Công ty tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ từ 2 đến 03 năm.

10. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm được phân loại là Nợ ngắn hạn.
- Có thời hạn thanh toán trên 1 năm được phân loại là Nợ dài hạn.

Tài sản thiếu chờ xử lý được phân loại là Nợ ngắn hạn.

11. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả.

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

Hạch toán vào chi phí này gồm: Trích trước chi phí các công trình

12. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi nhận theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng biếu sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được biếu, tặng này và các khoản bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước

Nguyên tắc ghi nhận cổ tức: Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng quản trị Công ty.

13. Nguyên tắc trích lập các khoản dự trữ các quỹ từ lợi nhuận sau thuế:

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp sau khi được Hội đồng quản trị phê duyệt được trích các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành, sẽ phân chia cho các bên dựa trên tỷ lệ vốn góp.

14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

14.1 Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

14.2. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó

14.3. Doanh thu hoạt động tài chính: Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

14.4. Doanh thu Hợp đồng xây dựng: Chi phí trực tiếp liên quan đến từng hợp đồng, chi phí chung được phân bổ cho các hợp đồng có liên quan và các chi phí khác có thể thu lại từ khách hàng theo các điều khoản của hợp đồng xây lắp.

15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí hợp đồng xây dựng

Chi phí của hợp đồng xây dựng gồm: Chi phí trực tiếp liên quan đến từng hợp đồng, chi phí chung được phân bổ cho các hợp đồng có liên quan và các chi phí khác có thể thu lại từ khách hàng theo các điều khoản của hợp đồng xây lắp.

16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính, chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí tài chính:

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay được ghi nhận vào chi phí trong kỳ. Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phạt trễ khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;

Các khoản trên được ghi nhận theo số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính..

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp: Là các khoản chi phí gián tiếp phục vụ cho hoạt động phân phối sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ ra thị trường và điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty. Mọi khoản chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ đó khi chi phí đó không đem lại lợi ích kinh tế trong các kỳ sau.

17. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

- **Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành:** Chi phí thuế TNDN hiện hành thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả trong năm hiện tại và số thuế hoãn lại. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có).

Việc xác định chi phí thuế TNDN căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế TNDN tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

- **Thuế thu nhập hoãn lại:** Được tính trên cơ sở các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Bảng cân đối kế toán và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất thuế TNDN dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.
- Không bù trừ chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

18. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác

Cơ sở lập báo cáo tài chính: Báo cáo tài chính được lập và trình bày dựa trên các nguyên tắc và phương pháp kế toán cơ bản: cơ sở dồn tích, hoạt động liên tục, giá gốc, phù hợp, nhất quán, thận trọng, trọng yếu, bù trừ và có thể so sánh. Báo cáo tài chính do Công ty lập không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán hay các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Các bên liên quan: Một bên được xem là bên liên quan đến Công ty nếu có khả năng kiểm soát Công ty hay có ảnh hưởng trọng yếu đến các quyết định tài chính và hoạt động của Công ty.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

1	Tiền			<i>Số cuối quý</i>	<i>Số đầu năm</i>
	Tiền mặt			34.868.206.650	42.725.769.306
	Tiền gửi ngân hàng			250.621.794.465	229.725.271.642
	Các khoản tương đương tiền			60.700.000.000	87.700.000.000
	Cộng			346.190.001.115	360.151.040.948
2	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn			<i>Số cuối quý</i>	<i>Số đầu năm</i>
		Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
	Tiền gửi có kỳ hạn	-	-	-	5.123.896.000
	Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN Hoàn Kiếm	-	-	-	5.123.896.000
	Cộng	-	-	-	5.123.896.000
3	Các khoản phải thu ngắn hạn khác			<i>Số cuối quý</i>	<i>Số đầu năm</i>
	Phải thu tiền BHXH, BHYT, BHTN của CNV			8.454.930	9.113.461
	Công ty CP FECON Nghi Sơn			513.086.815	-
	Công ty CP FECON Holdings			-	1.000.000.000
	Đặt cọc dự thầu			4.000.000	-
	Phải thu CBCNV			3.258.611	-
	Phải thu khác			155.590.175	150.797.632
	Cộng			684.390.531	1.159.911.093
4	Hàng tồn kho			<i>Số cuối quý</i>	<i>Số đầu năm</i>
	- Nguyên liệu, vật liệu			13.243.184.067	11.762.709.981
	- Công cụ, dụng cụ			60.154.622	35.482.312
	- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang			108.199.999.187	100.205.342.866
	- Thành phẩm			1.285.379.970	1.313.192.743
	- Hàng gửi bán			870.887.160	149.632.641
	Cộng giá gốc hàng tồn kho			123.659.605.006	113.466.360.543

Công ty Cổ phần Kỹ thuật nền móng và Công trình ngầm FECON

Tầng 15 Tháp CEO, lô HH2-1, KĐT Mễ Trì Hạ, Phạm Hùng, Mễ Trì, Nam Từ Liêm, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kết thúc ngày 30/06/2014**5 Chi phí trả trước ngắn hạn**

	<i>Số cuối quý</i>	<i>Số đầu năm</i>
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng	295.756.622	376.128.376
- Chi phí quảng cáo	126.700.000	99.900.000
- Chi phí bảo hiểm	190.866.129	183.749.564
- Chi phí sửa chữa văn phòng	7.211.575	50.481.025
- Chi phí mua phần mềm	20.208.333	44.458.333
- Chi phí sửa chữa xe, máy móc	-	10.995.577
- Chi phí bảo hộ	787.539.430	81.593.283
- Chi phí thuê văn phòng	248.508.000	327.338.000
- Chi phí tuyển dụng	24.832.500	-
- Chi phí thuê phòng thí nghiệm	80.000.000	-
- Chi phí khác	78.818.630	117.582.067
Cộng	1.860.441.219	1.292.226.225

6 Tài sản ngắn hạn khác

	<i>Số cuối quý</i>	<i>Số đầu năm</i>
Tạm ứng	80.158.720.286	25.685.580.937
Ký cược, ký quỹ ngắn hạn	59.400.000	59.400.000
Cộng	80.218.120.286	25.744.980.937

7. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
I. Nguyên giá TSCĐ hữu hình						
Tại ngày 01/01/2014	11.861.884.564	189.369.304.336	16.516.958.459	355.544.009	6.131.704.710	224.235.396.078
- Mua trong kỳ		(*) 62.624.358.978	9.034.413.496		330.545.454	71.989.317.928
- Đầu tư XD CB hoàn thành	-		51.365.995			51.365.995
- Thanh lý, nhượng bán		(*) (60.897.577.772)				(60.897.577.772)
- Giảm khác		(662.505.194)				(662.505.194)
Tại ngày 30/06/2014	11.861.884.564	190.433.580.348	25.602.737.950	355.544.009	6.462.250.164	234.715.997.035
II. Giá trị hao mòn lũy kế						
Tại ngày 01/01/2014	3.914.343.702	77.710.798.026	9.219.487.653	354.531.829	1.331.366.024	92.530.527.234
- Khấu hao trong kỳ	310.849.122	12.188.447.565	1.549.446.734	33.069.546	577.068.722	14.658.881.689
- Tăng khác		815.850.120				815.850.120
- Thanh lý, nhượng bán		(4.961.975.790)				(4.961.975.790)
- Giảm khác		(1.741.829.630)				(1.741.829.630)
Tại ngày 30/06/2014	4.225.192.824	84.011.290.291	10.768.934.387	387.601.375	1.908.434.746	101.301.453.623
III. Giá trị còn lại của TSCĐ HH						
1. Tại ngày 01/01/2014	7.947.540.862	111.658.506.310	7.297.470.806	1.012.180	4.800.338.686	131.704.868.844
2. Tại ngày 30/06/2014	7.636.691.740	106.422.290.057	14.833.803.563	(32.057.366)	4.553.815.418	133.414.543.412

(*) - Công ty mua một số TSCĐ và chuyển nhượng cho Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam, đồng thời thuê tài chính lại số tài sản này.

Công ty Cổ phần Kỹ thuật nền móng và Công trình ngầm FECON

Tầng 15 Tháp CEO, lô HH2-1, KĐT Mễ Trì Hạ, Phạm Hùng, Mễ Trì, Nam Từ Liêm, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kết thúc ngày 30/06/2014**8. Tăng giảm tài sản cố định thuê tài chính**

Chỉ tiêu	Máy móc thiết bị	Cộng
I. Nguyên giá TSCĐ hữu hình thuê tài chính		
Tại ngày 01/01/2014	91.176.280.777	91.176.280.777
- Thuê tài chính trong kỳ	48.927.099.193	48.927.099.193
- Giảm khác	(4.895.100.700)	(4.895.100.700)
Tại ngày 30/06/2014	135.208.279.270	135.208.279.270
II. Giá trị hao mòn lũy kế		
Tại ngày 01/01/2014	19.245.608.529	19.245.608.529
- Khấu hao trong kỳ	6.475.521.058	6.475.521.058
- Giảm khác	(815.850.120)	(815.850.120)
Tại ngày 30/06/2014	24.905.279.467	24.905.279.467
III. Giá trị còn lại của TSCĐ thuê tài chính		
1. Tại ngày 01/01/2014	71.930.672.248	71.930.672.248
2. Tại ngày 30/06/2014	110.302.999.803	110.302.999.803

9. Tăng giảm tài sản cố định vô hình

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Quyền sử dụng đất	Phần mềm	TSCĐ vô hình khác	Cộng
I. Nguyên giá TSCĐ vô hình				
Tại ngày 01/01/2014	25.452.210.900	301.152.952	515.727.757	26.269.091.609
Tại ngày 30/06/2014	25.452.210.900	301.152.952	515.727.757	26.269.091.609
II. Giá trị hao mòn lũy kế				-
Tại ngày 01/01/2014	1.933.066.310	239.370.758	265.493.709	2.437.930.777
- Khấu hao trong kỳ	267.506.436	37.742.724	17.646.252	322.895.412
Tại ngày 30/06/2014	2.200.572.746	277.113.482	283.139.961	2.760.826.189
III. Giá trị còn lại của TSCĐ vô hình				-
1. Tại ngày 01/01/2014	23.519.144.590	61.782.194	250.234.048	23.831.160.832
2. Tại ngày 30/06/2014	23.251.638.154	24.039.470	232.587.796	23.508.265.420

10 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	<i>Số cuối quý</i>	<i>Số đầu năm</i>
- Chi phí san lấp mặt bằng - Xây dựng nhà học sinh	-	159.525.000
- Chi phí gia công máy thi công cọc cát	-	88.658.339
- Chi phí đầu tư sân Mipec - Tây Sơn	38.144.838.862	38.144.838.862
- Chi phí mua MMTB, ô tô chưa đưa vào sử dụng	1.897.013.414	-
- Chi phí xây dựng trường học	159.525.000	-
Cộng	40.201.377.276	38.393.022.201

Công ty Cổ phần Kỹ thuật nền móng và Công trình ngầm FECON

Tầng 15 Tháp CEO, lô HH2-1, KĐT Mễ Trì Hạ, Phạm Hùng, Mễ Trì, Nam Từ Liêm, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kết thúc ngày 30/06/2014

11 Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

	Số cuối quý		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh	12.750.000	140.228.073.562	12.750.000	140.502.458.551
Công ty CP Khoáng sản FECON	9.750.000	110.825.796.248	9.750.000	110.894.040.190
Công ty CP FECON NGHI SƠN	3.000.000	29.402.277.315	3.000.000	29.608.418.361
Đầu tư dài hạn khác	8.458.164	84.581.640.000	833.164	8.331.640.000
Công ty CP Khoáng sản Hải Đăng	133.164	1.331.640.000	133.164	1.331.640.000
Công ty CP Thi công cơ giới và Lắp máy dầu khí	700.000	7.000.000.000	700.000	7.000.000.000
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Xây dựng công trình giao thông 1 (*)	7.000.000	70.000.000.000	-	-
Tổng Công ty Tư vấn thiết kế Giao thông vận tải	625.000	6.250.000.000	-	-
Cộng	21.208.164	224.809.713.562	13.583.164	148.834.098.551

(*) – Mua 7.000.000 cổ phiếu của Công ty TNHH Tổng Công ty Xây dựng công trình giao thông 1
 + Quyết định số 35/2014/QĐ-HĐQT.FECON ngày 24/02/2014 V/v Mua cổ phần của TCT Xây dựng Công trình Giao thông 1
 + Hợp đồng mua bán cổ phần số 0233/2014/CIENCO 1 - FECON ngày 06/03/2014.

Công ty Cổ phần Kỹ thuật nền móng và Công trình ngầm FECON

Tầng 15 Tháp CEO, lô HH2-1, KĐT Mễ Trì Hạ, Phạm Hùng, Mễ Trì, Nam Từ Liêm, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kết thúc ngày 30/06/2014**12 Chi phí trả trước dài hạn**

	<i>Số cuối quý</i>	<i>Số đầu năm</i>
Công cụ dụng cụ xuất dùng	3.363.231.888	3.316.520.231
Chi phí quảng cáo, bảo hiểm	292.902.296	364.174.613
Chi phí sửa chữa văn phòng	28.431.136	132.220.554
Chi phí thuê văn phòng	4.851.581.024	4.909.337.942
Chi phí sử dụng phần mềm	193.833.333	-
Chi phí khác	40.875.487	6.770.169
Cộng	8.770.855.164	8.729.023.509

13 Tài sản dài hạn khác

	<i>Số cuối quý</i>	<i>Số đầu năm</i>
- Ký cược, ký quỹ dài hạn	2.342.274.888	2.392.274.888
+ Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính - Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam	1.713.556.680	1.713.556.680
+ Công ty TNHH Cho thuê tài chính Quốc tế Chailease	-	50.000.000
+ Công ty Cổ phần Long Hậu		628.718.208
+ Đặt cọc tiền nhà	628.718.208	
Cộng	2.342.274.888	2.392.274.888

14 Vay và nợ ngắn hạn

	<i>Số cuối quý</i>	<i>Số đầu năm</i>
Vay ngân hàng	229.029.741.744	133.522.660.672
Vay ngắn hạn VND	225.001.796.586	133.522.660.672
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Đông Đô	121.290.407.072	67.500.000.000
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN Hoàn Kiếm	50.934.314.278	66.022.660.672
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN Đồng Đa	52.777.075.236	-
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN HCM	4.027.945.158	-
Vay đối tượng khác	-	47.938.241.583
Công ty Shanghai Harbour Brunei	-	47.938.241.583
Cộng	229.029.741.744	181.460.902.255

(1) Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01.13265.14/HĐTD ngày 30/06/2014

Hạn mức: 300.000.000.000 VND

Mục đích vay: Vay bù đắp đầu tư máy, thiết bị

Lãi suất: Biến đổi

Thời hạn cho vay: Theo từng hợp đồng tín dụng cụ thể

Biện pháp đảm bảo: Tín chấp

(2) Hợp đồng tín dụng số HK1-HĐTD/14103 ngày 18/06/2014

Hạn mức: 500.000.000.000 VND

Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh

Lãi suất: Biến đổi, lãi tại ngày ký hợp đồng là 8,8%/năm

Công ty Cổ phần Kỹ thuật nền móng và Công trình ngầm FECON

Tầng 15 Tháp CEO, lô HH2-1, KĐT Mễ Trì Hạ, Phạm Hùng, Mễ Trì, Nam Từ Liêm, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kết thúc ngày 30/06/2014*Thời hạn cho vay: Tối đa 8 tháng cho mỗi lần nhận nợ**Biện pháp đảm bảo: Thế chấp cầm cố tài sản của Bên vay, Bên thứ ba; Bảo lãnh của bên thứ ba; Toàn bộ số dư tài khoản tiền bằng VND và ngoại tệ của Bên vay tại Ngân hàng và Tổ chức tín dụng khác**Tài sản đảm bảo:*

- 01 ROBOT ép cọc tự hành, giá trị 2.147 triệu đồng;
- 02 ROBOT ép cọc tự hành, giá trị 4.136 triệu đồng;
- 03 ROBOT ép cọc tự hành, giá trị 8.513 triệu đồng;
- 01 ô tô hiệu TOYOTA - PRADO, BKS 30T 9868, giá trị 388 triệu đồng;
- 02 ô tô hiệu FORD EVEREST, BKS 30 U - 6472 và 30U 6059, giá trị 288 triệu đồng;
- 01 máy ép cọc bê tông, 03 búa đóng cọc HD62 và 01 búa đóng cọc TD62, giá trị 11.853 triệu đồng;
- Sàn tầng 15 tòa nhà CEO, đường Phạm Hùng, giá trị 11.853 triệu đồng;
- 01 ô tô FORD EVEREST, BKS 31H - 0312, giá trị 284 triệu đồng;
- 02 sổ tiết kiệm của bà Nguyễn Ánh Tuyết, giá trị 1.600 triệu đồng;
- Máy đóng cọc bánh xích đã qua sử dụng, giá trị 2.596 triệu đồng.
- Tổng giá trị: 36.511 triệu đồng

*(3) Hợp đồng tín dụng số 02/2014 – HĐTĐ/NHCTDD-FECON**Hạn mức: 150.000.000.000 VND**Mục đích cho vay: Thực hiện gói thầu cung cấp cọc PC cho dự án nhà máy lọc hóa dầu Nghi Sơn theo hợp đồng kinh tế số HĐ-CC1/FECON/-NSPP-001 ngày 20 tháng 01 năm 2014 giữa Công ty Xây dựng số 1-TNHH MTV và Công ty CP Kỹ thuật Nền móng và Công trình ngầm FECON.**Lãi suất: Biến đổi, lãi tại ngày ký hợp đồng là 9%/năm**Thời hạn cho vay: Tối đa 4 tháng cho mỗi lần nhận nợ**Biện pháp đảm bảo: Tín chấp***15 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	<i>Số cuối quý</i>	<i>Số đầu năm</i>
- Thuế GTGT	3.180.949.771	5.947.483.853
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	26.161.533.780	45.251.007.270
- Thuế thu nhập cá nhân	1.933.963.266	112.658.330
Cộng	31.276.446.817	51.311.149.453

16 Chi phí phải trả

	<i>Số cuối quý</i>	<i>Số đầu năm</i>
Trích phí phí các công trình	177.721.078.649	171.986.020.643
Trích tiền ăn ca công nhân, điện thoại	83.612.000	-
Cộng	177.804.690.649	171.986.020.643

17 Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	<i>Số cuối quý</i>	<i>Số đầu năm</i>
Kinh phí công đoàn	228.857.260	78.332.175
Bảo hiểm xã hội	785.121.283	99.132.985
Bảo hiểm y tế	63.649.027	-
Bảo hiểm thất nghiệp	27.541.641	-
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	85.798.835	498.228.425
Cộng	1.190.968.046	675.693.585

Công ty Cổ phần Kỹ thuật nền móng và Công trình ngầm FECON

Tầng 15 Tháp CEO, lô HH2-1, KĐT Mễ Trì Hạ, Phạm Hùng, Mễ Trì, Nam Từ Liêm, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kết thúc ngày 30/06/2014**18 Vay và nợ dài hạn**

	<i>Số cuối quý</i>	<i>Số đầu năm</i>
18.1. Vay dài hạn	243.971.264.718	8.293.254.000
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN Hoàn Kiếm (1)	4.156.250.000	4.750.000.000
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN Thăng Long (2)	2.998.138.000	3.543.254.000
Công ty TNHH Xử lý nền đất yếu Shanghai Harbour Brunei (3)	41.231.876.718	-
Trái phiếu phát hành (4)	195.585.000.000	-
18.2. Nợ dài hạn	74.039.164.099	32.299.724.835
Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính - Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam	72.928.080.640	30.533.603.197
Công ty TNHH Cho thuê tài chính quốc tế Chailease	1.111.083.459	1.766.121.638
Cộng	318.010.428.817	40.592.978.835

(1) – Hợp đồng tín dụng trung hạn số HK1-HĐTD/1009 ngày 26/12/2012

Mục đích vay: Đầu tư máy móc thiết bị sản xuất kinh doanh

Thời hạn cho vay: 36 tháng

Lãi suất: Bằng lãi suất tiền gửi cá nhân 12 tháng cộng biên độ 2,8%/năm

Tài sản đảm bảo: Toàn bộ tài sản hình thành từ vốn vay

(2) – Hợp đồng tín dụng số 04.04/HĐTD2012/NT-FECON

Số tiền: 5.451.160.000 VND

Mục đích: Vay bù đắp đầu tư máy, thiết bị

Thời hạn cho vay: 60 tháng

Lãi suất: Thả nổi, tại thời điểm ký hợp đồng là 7%/năm

Tài sản đảm bảo:

Cho vay không có bảo đảm tài sản, Áp dụng biện pháp đảm bảo bổ sung là giá trị các máy thi công bao gồm: 02 Máy ép thủy lực DTZ718, số serial 1201-01; 1201-02 được nhập khẩu từ Trung Quốc mới 100%.

Giá trị: 10.902.320.000 đồng.

(3) – Hợp đồng vay số 01/HĐ/FCSH-SHBR ngày 01/06/2011; Phụ lục hợp đồng số 01/HĐ/FCSH-SHBR ngày 02/05/2012; Thời hạn hợp đồng tối đa 72 tháng; Lãi suất vay 0%/tháng. Mục đích vay: Bổ sung vốn mua nguyên vật liệu cho hoạt động sản xuất kinh doanh.

(4) - Hợp đồng Trái phiếu chuyển đổi giữa Japan South East Asia Growth Fund L.P. và Công ty Cổ phần Kỹ thuật Nền móng và Công trình ngầm FECON ngày 24 tháng 05 năm 2014

19. Vốn chủ sở hữu

19.1. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

Chỉ tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
A	1	2	6	7	9	10
- Tại ngày 01/01/2013	138.051.620.000	35.604.060.321	18.876.706.667	9.438.353.334	162.295.552.136	364.266.292.458
- Tăng vốn trong năm trước	259.539.560.000	2.176.523.500	-	-	-	261.716.083.500
- Lãi tăng trong năm trước	-	-	17.677.957.579	8.838.978.789	102.332.184.559	128.849.120.927
- Giảm khác	-	(3.241.600.000)	(1.396.885.530)	(6.798.442.765)	(126.876.460.446)	(138.313.388.741)
- Tại ngày 31/12/2014	397.591.180.000	34.538.983.821	35.157.778.716	11.478.889.358	137.751.276.249	616.518.108.144
- Tại ngày 01/01/2014	397.591.180.000	34.538.983.821	35.157.778.716	11.478.889.358	137.751.276.249	616.518.108.144
- Tăng vốn trong kỳ	59.637.360.000	-	-	-	-	59.637.360.000
- Lãi tăng trong kỳ	-	-	-	-	46.066.922.488	46.066.922.488
- Tăng khác	-	-	4.018.384.153	2.009.190.077	55.829.667.192	61.857.241.422
- Giảm khác (*)	-	-	-	-	(127.472.611.164)	(127.472.611.164)
Tại ngày 30/06/2013	457.228.540.000	34.538.983.821	39.176.162.869	13.488.079.435	112.175.254.765	656.607.020.890

Công ty Cổ phần Kỹ thuật nền móng và Công trình ngầm FECON

Tầng 15 Tháp CEO, lô HH2-1, KĐT Mễ Trì Hạ, Phạm Hùng, Mễ Trì, Nam Từ Liêm, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kết thúc ngày 30/06/2014**(*) Giảm khác :**

- Quỹ đầu tư phát triển	4.018.384.153
- Quỹ dự phòng tài chính	2.009.190.077
- Quỹ khen thưởng	2.009.190.077
- Quỹ phúc lợi	2.009.190.077
- Trả cổ tức	39.759.118.000
- Trả cổ tức bằng cổ phiếu	39.757.810.000
- Thù lao Hội đồng quản trị	727.504.001
- Giảm khác	37.182.224.779
Tổng	127.472.611.164

19.2. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	<i>Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014</i>	<i>Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013</i>
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	457.228.540.000	165.663.280.000
+ Vốn góp đầu năm	397.591.180.000	138.051.620.000
+ Vốn góp tăng trong năm	59.637.360.000	27.611.660.000
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	457.228.540.000	165.663.280.000

19.3 Cổ phiếu

	<i>Số cuối quý</i>	<i>Số đầu năm</i>
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	45.722.854	39.759.118
- Số lượng cổ phiếu đã bán cho công chúng	45.722.854	39.759.118
+ Cổ phiếu phổ thông	45.722.854	39.759.118
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	45.722.854	39.759.118
+ Cổ phiếu phổ thông	45.722.854	39.759.118
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành 10.000 đồng/cổ phiếu

19.4. Các quỹ của doanh nghiệp

	<i>Số cuối quý</i>	<i>Số đầu năm</i>
- Quỹ đầu tư phát triển	39.176.162.869	35.157.778.716
- Quỹ dự phòng tài chính	13.488.079.435	11.478.889.358

Công ty Cổ phần Kỹ thuật nền móng và Công trình ngầm FECON

Tầng 15 Tháp CEO, lô HH2-1, KĐT Mễ Trì Hạ, Phạm Hùng, Mễ Trì, Nam Từ Liêm, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kết thúc ngày 30/06/2014**VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**

Đơn vị tính: VND

20	Doanh thu	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013
	Doanh thu bán hàng	176.842.004.609	91.848.905.237
	Doanh thu bán thành phẩm	878.910.000	-
	Doanh thu xây lắp	271.294.537.286	509.447.337.469
	Doanh thu cung cấp dịch vụ	19.451.874.818	471.436.337
	Doanh thu khác	1.366.062.500	1.740.498.000
	Cộng	469.833.389.213	603.508.177.043
21	Giá vốn hàng bán	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013
	Giá vốn hàng bán	155.282.224.889	89.153.836.124
	Giá vốn thành phẩm đã bán	647.852.672	-
	Giá vốn hoạt động xây lắp	205.023.918.667	410.694.155.310
	Giá vốn cung cấp dịch vụ	9.118.905.520	929.581.130
	Giá vốn khác	1.128.859.329	1.225.218.561
	Cộng	371.201.761.077	502.002.791.125
22	Doanh thu hoạt động tài chính	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013
	Lãi tiền gửi, tiền cho vay	2.377.626.234	797.234.579
	Cổ tức, lợi nhuận được chia	5.834.724.000	9.750.000.000
	Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	2.093.517	125.684.113
	Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	125.883	3.171
	Cộng	8.214.569.634	10.672.921.863
23	Chi phí tài chính	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013
	Chi phí lãi vay	9.766.359.946	9.828.619.797
	Lãi chậm trả	-	440.849.121
	Lỗ do chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	103.655.592	543.891.281
	Lỗ do chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	1.694.359.214	1.297.951.088,00
	Chi phí tài chính khác	138.835	-
	Cộng	11.564.513.587	12.111.311.287

Công ty Cổ phần Kỹ thuật nền móng và Công trình ngầm FECON

Tầng 15 Tháp CEO, lô HH2-1, KĐT Mễ Trì Hạ, Phạm Hùng, Mễ Trì, Nam Từ Liêm, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kết thúc ngày 30/06/2014

24	Thu nhập khác	<i>Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014</i>	<i>Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013</i>
	Thu từ thanh lý TSCĐ	55.523.362.828	9.801.272.727
	Thu nhập từ bán phế liệu, sản phẩm lỗi thời	9.873.747	131.379.194
	Điều chỉnh thu nhập khác năm 2013	(41.780.000)	-
	Thu nhập khác	41.715.091	54.286.982
	Cộng	55.533.171.666	9.986.938.903
25	Chi phí khác	<i>Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014</i>	<i>Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013</i>
	Giá trị còn lại của tài sản thanh lý	55.935.601.982	9.868.552.697
	Chi phí phạt thuế, phạt vi phạm hành chính	110.498.116	-
	Chi phí khác	247.441.038	82.836.598
	- Chi phí bán hàng lỗi	-	3.869.950
	- Chi phí thuế TNDN nhà thầu Chikami	-	49.689.474
	- Chi phí khác	247.441.038	29.277.174
	Cộng	56.293.541.136	9.951.389.295
26	Phần lãi lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	<i>Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014</i>	<i>Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013</i>
	Công ty CP Khoáng sản FECON	5.766.480.058	7.909.862.244
	Công ty CP FECON NGHI SƠN	(206.141.046)	-
	Cộng	5.560.339.011	7.909.862.244
27	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	<i>Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014</i>	<i>Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013</i>
	Chi tiêu		
	Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế kỳ kế toán hiện hành	11.307.425.270	15.855.447.677
28	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<i>Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014</i>	<i>Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013</i>
	Lợi nhuận kế toán sau thuế của cổ đông Công ty mẹ	51.847.964.586	63.479.279.061
	Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu	2.883.197.937	(74.151.885)
	Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông Công ty mẹ	48.964.766.649	63.553.430.946
	CP đang lưu hành bình quân trong kỳ (*)	39.890.913	15.201.166
	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.227	4.181

Công ty Cổ phần Kỹ thuật nền móng và Công trình ngầm FECON

Tầng 15 Tháp CEO, lô HH2-1, KĐT Mễ Trì Hạ, Phạm Hùng, Mễ Trì, Nam Từ Liêm, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kết thúc ngày 30/06/2014**(*) – Cổ phiếu lưu hành bình quân trong kỳ:**

Ngày	Sự kiện	Khối lượng lưu hành thực tế	Khối lượng tăng (1)	Số ngày lưu hành trong kỳ (2)
01/01/2014	Khối lượng đầu kỳ	39.759.118	-	
27/06/2014	Phát hành thêm 5.963.736CP	45.722.854	5.963.736	4
Số lượng CP Lưu hành bình quân		= Khối lượng CP đầu kỳ	+ $\frac{\Sigma [(1) \times (2)]}{181}$	= 39.890.913

VIII. Những thông tin khác**1. Công cụ tài chính****Quản lý rủi ro vốn**

Công ty thực hiện quản trị nguồn vốn để đảm bảo rằng Công ty vừa có thể hoạt động vừa có thể tối đa hóa lợi ích của cổ đông thông qua việc sử dụng nguồn vốn có hiệu quả.

Cấu trúc vốn của Công ty bao gồm: Vốn điều lệ, cổ phiếu ngân quỹ, các quỹ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính là các tài sản mà qua đó Công ty có thể phát sinh các khoản thu nhập trong tương lai. Các tài sản này đã được xác định lại theo giá trị hợp lý tại ngày lập báo cáo tài chính.

	<u>Giá trị ghi sổ</u>	<u>Giá trị hợp lý</u>
- Tiền, các khoản tương đương tiền	346.190.001.115	346.190.001.115
- Đầu tư tài chính ngắn hạn	-	-
- Đầu tư tài chính dài hạn	224.619.247.681	224.619.247.681
- Các khoản phải thu khách hàng	310.606.786.834	310.606.786.834
- Trả trước cho người bán	31.859.204.582	31.859.204.582
- Phải thu khác	684.390.531	684.390.531

Công nợ tài chính

Các khoản nợ tài chính đã được đánh giá lại theo dung quy định của Chuẩn mực kế toán hiện hành để đảm bảo nghĩa vụ thanh toán của Công ty. Cụ thể các khoản phải trả người bán và các khoản vay có gốc ngoại tệ đều được đánh giá lại theo tỷ giá ngày lập báo cáo. Đồng thời các khoản chi phí đi vay, phải trả đã được ghi nhận trong kỳ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

	<u>Số dư ngày 30/06/2014</u>
- Vay và nợ ngắn hạn dài hạn	547.040.170.561
- Phải trả người bán	299.476.000.984
- Người mua trả tiền trước	39.051.447.561
- Phải trả khác	1.190.968.046

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm: rủi ro thị trường và rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ này.

Công ty Cổ phần Kỹ thuật nền móng và Công trình ngầm FECON

Tầng 15 Tháp CEO, lô HH2-1, KĐT Mễ Trì Hạ, Phạm Hùng, Mễ Trì, Nam Từ Liêm, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kết thúc ngày 30/06/2014

Rủi ro thị trường: Công ty mua hàng hóa từ các nhà cung cấp trong nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa. Rủi ro này công ty quản trị bằng việc thực hiện mua hàng từ một số lượng lớn từ các nhà cung cấp trong nước, cũng như linh hoạt trong việc đàm phán và điều chỉnh giá bán cho người mua khi có biến động lớn về giá cả hàng hóa.

Rủi ro tín dụng: bao gồm rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất. Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để thanh toán cho các khoản nợ phải trả hiện tại và tương lai. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản đối với các khoản nợ phải trả hiện tại dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo việc duy trì một lượng tiền mặt đáp ứng tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn.

Đối tượng	Dưới 1 năm	Trên 1 năm	Tổng cộng
- Phải trả người bán	299.476.000.984		299.476.000.984
- Người mua trả trước	39.051.447.561		39.051.447.561
- Phải trả khác	1.190.968.046	-	1.190.968.046
- Vay ngắn hạn	229.029.741.744		229.029.741.744
- Vay dài hạn		318.010.428.817	318.010.428.817

Tài sản đảm bảo

Trong kỳ Công ty có dùng một số tài sản để thế chấp vay vốn ngân hàng, cụ thể như sau:

Hợp đồng vay	Tài sản đảm bảo
Hợp đồng cấp tín dụng số HKI-HĐTD/14103 ngày 18/06/2014, Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	- 01 ROBOT ép cọc tự hành, giá trị 2.147 triệu đồng; - 02 ROBOT ép cọc tự hành, giá trị 4.136 triệu đồng; - 03 ROBOT ép cọc tự hành, giá trị 8.513 triệu đồng; - 01 ô tô hiệu TOYOTA - PRADO, BKS 30T 9868, giá trị 388 triệu đồng; - 02 ô tô hiệu FORD EVEREST. BKS 30 U - 6472 và 30U 6059, giá trị 288 triệu đồng; - 01 máy ép cọc bê tông, 03 búa đóng cọc HD62 và 01 búa đóng cọc TD62, giá trị 11.853 triệu đồng; - Sàn tầng 15 tòa nhà CEO, đường Phạm Hùng, giá trị 11.853 triệu đồng; - 01 ô tô FORD EVEREST, BKS 31H - 0312, giá trị 284 triệu đồng; - 02 sổ tiết kiệm của bà Nguyễn Ánh Tuyết, giá trị 1.600 triệu đồng; - Máy đóng cọc bánh xích đã qua sử dụng, giá trị 2.596 triệu đồng. - Tổng giá trị: 36.511.000.000 đồng.

Công ty Cổ phần Kỹ thuật nền móng và Công trình ngầm FECON

Tầng 15 Tháp CEO, lô HH2-1, KĐT Mễ Trì Hạ, Phạm Hùng, Mễ Trì, Nam Từ Liêm, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kết thúc ngày 30/06/2014

Hợp đồng tín dụng số 04.04/HĐTD2012/NT-FECON, ngày 06/04/2012, vay dài hạn Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	Cho vay không có bảo đảm tài sản, Áp dụng biện pháp đảm bảo bổ sung là giá trị cacfs máy thi công bao gồm: 02 Máy ép thủy lực DTZ718, số serial 1201-01; 1201-02 được nhập khẩu từ Trung Quốc mới 100%. Giá trị: 10.902.320.000 đồng
--	---

2. Thông tin về các bên liên quan

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, công ty phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan. Các nghiệp vụ chủ yếu như sau :

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Giá trị giao dịch (VND)	
		Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013
Chi trả thù lao từ lợi nhuận sau thuế	Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát	727.504.001	-
Bán hàng và cung cấp dịch vụ		21.470.075.607	25.779.492.857
Công ty CP Khoáng sản FECON	Công ty liên kết	19.728.514.136	25.035.541.578
Viện nền móng và Công trình ngầm	Công ty con	1.741.561.471	743.951.279
- Phí dịch vụ văn phòng		224.575.726	199.606.232
- Cho thuê máy móc thiết bị		219.875.990	419.698.193
- Cung cấp thiết bị		1.292.034.755	124.646.854
- Chi phí vận chuyển		5.075.000	-
Mua hàng và sử dụng dịch vụ		246.260.240.782	207.773.355.316
Công ty CP Xử lý nền FECON SHANGHAI	Công ty con	19.445.025.600	45.712.520.741
Công ty CP FECON MILTEC	Công ty con	47.479.177.845	10.830.576.000
Viện nền móng và Công trình ngầm	Công ty con	19.946.355.160	12.265.188.807
Công ty CP Khoáng sản FECON	Công ty liên kết	159.389.682.177	138.965.069.768

Cho đến ngày lập báo cáo tài chính, các khoản chưa được thanh toán với các bên liên quan như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Giá trị (VND)	
		30/06/2014	01/01/2014
Phải thu khách hàng		-	6.088.929.935
Công ty CP FECON Nghi Sơn	Công ty liên kết		3.821.833.400
Công ty CP Xử lý nền FECON SHANGHAI	Công ty con		2.267.096.535
Phải trả người bán		279.121.297.519	285.341.402.995
Công ty CP Xử lý nền FECON SHANGHAI	Công ty con	144.871.598.053	127.944.064.573
Công ty CP FECON MILTEC	Công ty con	15.009.800.949	655.685.222
Công ty CP Khoáng sản FECON	Công ty liên kết	104.573.596.122	148.543.145.523
Viện nền móng và Công trình ngầm	Công ty con	14.666.302.395	8.198.507.677

3. Báo cáo bộ phận

A. Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

Ban Tổng Giám đốc của Công ty xác định rằng, việc ra các quyết định quản lý của công ty chủ yếu dựa trên các loại hình hoạt động sản phẩm, dịch vụ mà công ty cung cấp chứ không dựa trên khu vực địa lý mà công ty cung cấp sản phẩm, dịch vụ. Do vậy Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

B. Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Chỉ tiêu	Thương mại	Xây lắp	Khảo sát thí nghiệm	Dịch vụ khác	Tổng cộng
1. Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	177.720.914.609	271.294.537.286	19.451.874.818	1.366.062.500	469.833.389.213
2. Giá vốn	155.930.077.561	205.023.918.667	9.118.905.520	1.128.859.329	371.201.761.077
3. Lợi nhuận gộp	21.790.837.048	66.270.618.619	10.332.969.298	237.203.171	98.631.628.136
4. Doanh thu hoạt động tài chính	-	-	-	-	8.214.569.634
5. Doanh thu khác	-	-	-	-	55.533.171.666
6. Chi phí không phân bổ	-	-	-	-	104.632.930.001
7. Lợi nhuận kế toán trước thuế	-	-	-	-	63.306.778.447

Công ty Cổ phần Kỹ thuật nền móng và Công trình ngầm FECON

Tầng 15 Tháp CEO, lô HH2-1, KĐT Mễ Trì Hạ, Phạm Hùng, Mễ Trì, Nam Từ Liêm, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kết thúc ngày 30/06/2014

4. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ là số liệu ngày 31/12/2013 của Công ty Cổ phần Kỹ thuật nền móng và Công trình ngầm FECON đã được kiểm toán bởi Công ty Hợp danh kiểm toán Việt Nam.

Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ là số liệu trên Báo cáo kết quả công tác soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn kế toán từ ngày 01/01/2013 đến 30/06/2013 của Công ty Cổ phần Kỹ thuật nền móng và Công trình ngầm FECON đã được soát xét bởi Công ty Hợp danh kiểm toán Việt nam.

Lập, ngày 13 tháng 08 năm 2014

Người lập biểu



ĐỖ XUÂN HOÀ

Kế toán trưởng



PHẠM DUY CƯỜNG

Tổng Giám đốc



PHẠM VIỆT KHOA

H.H.